

MỤC LỤC

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG2
 Điều 1. Phạm vi điều chỉnh2
 Điều 2. Đối tượng áp dụng2
 Điều 3. Vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động2
 Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động2
 Điều 5. Xây dựng Cảnh sát cơ động2
 Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm3
Chương II: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG3
 Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động3
 Điều 8. Tổ chức của Cảnh sát cơ động4
 Điều 9. Trách nhiệm của Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực
 thuộc Trung ương4
 Điều 10. Điều động Cảnh sát cơ động4
 Điều 11. Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát
 cơ động5
Chương III: BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CẢNH SÁT CƠ
ĐỘNG5
 Điều 12. Bảo đảm cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Cảnh sát cơ động5
 Điều 13. Trang bị của Cảnh sát cơ động5
 Điều 14. Phù hiệu, giấy chứng nhận, trang phục của Cảnh sát cơ động5
 Điều 15. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng Cảnh sát cơ động5
 Điều 16. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động5
 Điều 17. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp với Cảnh sát cơ
 động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội6
Chương IV: TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG6
 Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an6
 Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng6
 Điều 20. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ6
 Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp6
 Điều 22. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên6
Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH7
 Điều 23. Hiệu lực thi hành7
 Điều 24. Quy định chi tiết7

PHÁP LỆNH
CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 54/2005/QH11;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2012/QH13 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII;

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Cảnh sát cơ động.

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động của Cảnh sát cơ động; điều kiện bảo đảm và chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Pháp lệnh này áp dụng đối với Cảnh sát cơ động và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 3. Vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động

Cảnh sát cơ động thuộc Công an nhân dân, là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động

1. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương và sự quản lý, chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an; thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính ủy, chính trị viên ở Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động.
2. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; cấp dưới phục tùng cấp trên; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
3. Kết hợp chặt chẽ tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục với cơ động ngăn chặn, trấn áp kịp thời các hoạt động xâm phạm an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
4. Dựa vào nhân dân, phát huy sức mạnh của nhân dân và hệ thống chính trị; chịu sự giám sát của nhân dân.

Điều 5. Xây dựng Cảnh sát cơ động

1. Nhà nước xây dựng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia xây dựng, phối hợp, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ khi được yêu cầu.
3. Cảnh sát cơ động phải tuyển chọn nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức, điều động, sử dụng Cảnh sát cơ động trái với quy định của Pháp lệnh này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Chống lại hoặc cản trở Cảnh sát cơ động thi hành công vụ.
3. Giả danh Cảnh sát cơ động.
4. Sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận của Cảnh sát cơ động.
5. Lạm dụng, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động để gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
6. Hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến Cảnh sát cơ động.

Chương II: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động

1. Tham mưu cho Đảng ủy Công an Trung ương và Bộ Công an về công tác vũ trang bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động.
2. Thực hiện phương án tác chiến chống hoạt động phá hoại an ninh, bạo loạn vũ trang, khủng bố, bắt cóc con tin; trấn áp tội phạm có sử dụng vũ khí; giải tán các vụ gây rối, biểu tình trái pháp luật.
3. Tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật.
4. Tổ chức bảo vệ mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, chuyên hàng đặc biệt, hội nghị, sự kiện quan trọng theo danh mục do Chính phủ quy định.
5. Tham gia bảo vệ phiên tòa, dẫn giải bị can, bị cáo và hỗ trợ việc bảo vệ trại giam, trại tạm giam, thi hành các bản án hình sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.
6. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ; xây dựng, diễn tập các phương án tác chiến, phương án tuần tra, bảo vệ mục tiêu theo chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động.
7. Tổ chức quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ.
8. Thực hiện nghi lễ trong Công an nhân dân.
9. Tham gia tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai.
10. Tham gia, phối hợp với các lực lượng, đơn vị, địa phương nơi đóng quân xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
11. Được quyền huy động người, phương tiện của cá nhân, tổ chức trong tình thế cấp thiết xử lý các tình huống được quy định tại khoản 2 Điều này hoặc để đuổi bắt người và phương tiện vi phạm pháp luật, cấp cứu người bị nạn.
12. Trưng dụng tài sản phục vụ hoạt động của Cảnh sát cơ động theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.
13. Được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp sơ đồ, thiết kế, bản vẽ công trình và được vào nơi ở của cá nhân, trụ sở cơ quan, tổ chức để giải cứu con tin, trấn áp hành vi khủng bố và tội phạm có sử dụng vũ khí. Việc vào trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và chỗ ở của thành viên các cơ quan này tại Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

14. Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ hoạt động của Cảnh sát cơ động theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

15. Hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức của Cảnh sát cơ động

1. Cảnh sát cơ động gồm:

- a) Lực lượng đặc nhiệm;
- b) Lực lượng tác chiến đặc biệt;
- c) Lực lượng bảo vệ mục tiêu;
- d) Lực lượng huấn luyện, sử dụng động vật nghiệp vụ.

2. Tổ chức của Cảnh sát cơ động gồm:

- a) Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động;
- b) Cảnh sát cơ động Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể tổ chức của Cảnh sát cơ động.

Điều 9. Trách nhiệm của Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tư lệnh Cảnh sát cơ động chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh này và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Bộ trưởng Bộ Công an về hoạt động của Cảnh sát cơ động.

2. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh này và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Bộ trưởng Bộ Công an về hoạt động của Cảnh sát cơ động thuộc quyền.

Điều 10. Điều động Cảnh sát cơ động

1. Bộ trưởng Bộ Công an có quyền điều động các đơn vị Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ trên phạm vi toàn quốc.

2. Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền điều động các đơn vị Cảnh sát cơ động đến cấp Tiểu đoàn thuộc quyền để thực hiện nhiệm vụ và kịp thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an; trường hợp cần điều động lực lượng quy mô lớn hơn hoặc điều động đơn vị Cảnh sát cơ động được giao quản lý, sử dụng tàu bay, tàu thủy thì phải báo cáo và được sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền điều động đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền để thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh này theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong địa bàn quản lý, kịp thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Chỉ huy cấp Trung đoàn, Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động đóng quân độc lập có quyền điều động lực lượng thuộc quyền tham gia tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai và phải kịp thời báo cáo chỉ huy cấp trên.

5. Chỉ huy đơn vị Cảnh sát cơ động có quyền điều động, sử dụng lực lượng thuộc quyền để tiến hành các hoạt động vũ trang theo kế hoạch huấn luyện, diễn tập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Việc điều động Cảnh sát cơ động trong tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động phối hợp trong việc điều động Cảnh sát cơ động tại địa bàn.

Điều 11. Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát cơ động

1. Cảnh sát cơ động được sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.
2. Việc nổ súng của Cảnh sát cơ động trong trường hợp xảy ra bạo loạn vũ trang, tụ tập đông người phá hoại an ninh được thực hiện theo quy định của luật.
3. Việc sử dụng phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, trang thiết bị đặc chủng chuyên dụng của Cảnh sát cơ động thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.
4. Việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ trong huấn luyện, diễn tập được thực hiện theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III: BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Điều 12. Bảo đảm cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Cảnh sát cơ động

1. Kinh phí hoạt động của Cảnh sát cơ động do ngân sách nhà nước bảo đảm.
2. Nhà nước bảo đảm quỹ đất và kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, doanh trại, thao trường, bãi tập, nhà ở công vụ, trang bị phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho Cảnh sát cơ động.

Điều 13. Trang bị của Cảnh sát cơ động

1. Cảnh sát cơ động được ưu tiên trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tàu bay, tàu thủy, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và trang thiết bị đặc chủng chuyên dụng hiện đại.
2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Phù hiệu, giấy chứng nhận, trang phục của Cảnh sát cơ động

1. Cảnh sát cơ động có phù hiệu, giấy chứng nhận và trang phục riêng.
2. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng Cảnh sát cơ động

1. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ và kiến thức cần thiết khác phù hợp với nhiệm vụ được giao.
2. Cảnh sát cơ động phối hợp với các lực lượng có liên quan tổ chức diễn tập phương án tác chiến, tuần tra, bảo vệ mục tiêu theo kế hoạch của Bộ Công an.

Điều 16. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động

1. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân và chế độ, chính sách ưu đãi đặc thù phù hợp với tính chất, nhiệm vụ, địa bàn hoạt động của Cảnh sát cơ động.
2. Sĩ quan Cảnh sát cơ động công tác ổn định lâu dài tại địa bàn đóng quân độc lập được bố trí nhà ở công vụ.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp với Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tham gia phối hợp với Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ thì được xét khen thưởng; trường hợp bị thiệt hại về vật chất thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Cá nhân được huy động hoặc tham gia phối hợp với Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ mà bị thương hoặc hy sinh thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Chương IV: TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về Cảnh sát cơ động.
2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về Cảnh sát cơ động.
3. Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của Cảnh sát cơ động; huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động.
4. Ban hành danh mục các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và trang thiết bị đặc chủng của Cảnh sát cơ động.
5. Kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến Cảnh sát cơ động.
6. Thực hiện hợp tác quốc tế về trao đổi thông tin, huấn luyện, đào tạo, trang bị cho Cảnh sát cơ động.

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng phối hợp với Cảnh sát cơ động chuẩn bị và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; tham gia diễn tập phương án tác chiến, phương án tuần tra, bảo vệ mục tiêu theo chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động.
2. Chỉ đạo tổ chức hỗ trợ Cảnh sát cơ động trong việc đào tạo, huấn luyện sử dụng vũ khí, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật và các chuyên ngành khác theo đề nghị của Bộ Công an.

Điều 20. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về Cảnh sát cơ động theo quy định của Pháp lệnh này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ.

Điều 22. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; giám sát, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ.

Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

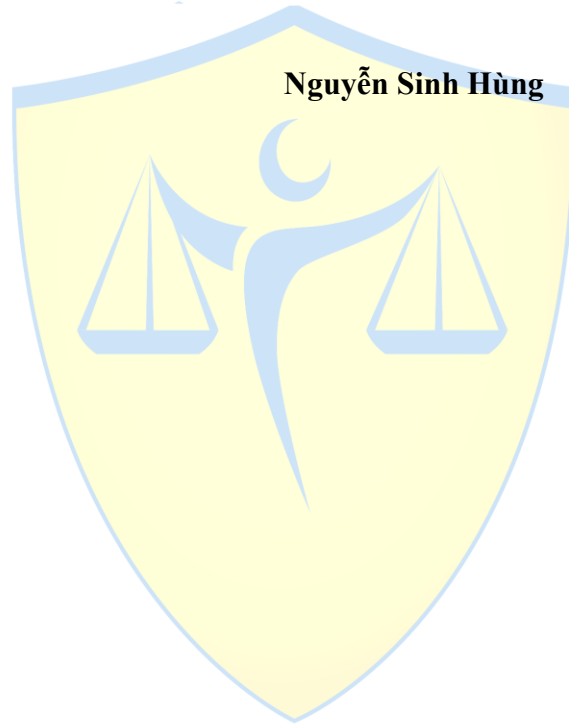
Điều 23. Hiệu lực thi hành

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Điều 24. Quy định chi tiết

Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Pháp lệnh./.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



HUNG THANG LAW FIRM

Keep believe in